

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2019/QĐST-HNGĐ

*“V/v yêu cầu huỷ việc kết hôn
trái pháp luật và yêu cầu công
nhận quan hệ hôn nhân”*

Thanh Miện, ngày 16 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

*** Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông Bùi Xuân Thành.

- **Thư ký phiên họp:** Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Toà án

- **Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên họp:** Bà Lê Thị Thuỷ -
Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-VDS ngày 28/3/2019 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

+ Hội phụ nữ liên hiệp huyện Thanh Miện, do bà Giang Thị Thía, Chủ tịch HLHPN huyện Thanh Miện là đại diện theo pháp luật, uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Khánh, Phó Chủ tịch HLHPN huyện Thanh Miện.

+ Anh **Vũ Đức T**; (Tên gọi khác: *Vũ Văn T*), sinh ngày 20/5/1968.

Chị **Vũ Thị L** - sinh năm 1972

HKTTT đều ở: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** : UBND xã C, đại diện theo pháp luật, ông Vũ Đình N, Chủ tịch UBND xã C.

Bà Khánh, anh T, chị L có mặt, ông N có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ

Hội liên hiệp phụ nữ huyện Thanh Miện có đơn yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật (cụ thể là yêu cầu huỷ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trái pháp luật) của UBND xã C, huyện N, tỉnh H (nay là huyện T, tỉnh H) vì xác định: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1967 và chị Vũ Thị L, sinh năm 1972 đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 04/2/1988. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh T được 19 tuổi 9 tháng, theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đủ tuổi kết hôn. Chị Vũ Thị L sinh năm 1972 không nhớ ngày, tháng sinh mới hơn 16 tuổi không đủ tuổi kết hôn. Trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi anh T sinh năm 1967 và tên đệm *Văn* (là ghi không đúng năm sinh, tên đệm của anh trong Căn cước công dân), chị L sinh năm 1972.

Quá trình anh chị chung sống sinh được 04 con, khi khai sinh cho cháu Vũ Thị T1, sinh năm 1996 và cháu Vũ Đức T2, sinh năm 2001 đều ghi bố là Vũ Văn T, sinh năm 1967, mẹ là Vũ Thị L, sinh năm 1972. Do năm sinh, tên đệm của anh T không khớp và năm sinh của chị L trong giấy kết hôn chưa đủ tuổi kết hôn đã ảnh hưởng rất nhiều trong quá trình sinh sống của vợ chồng và học tập, xin việc của các con anh chị.

Về phía anh T, chị L xác định khi biết Hội liên hiệp phụ nữ huyện Thanh Miện có đơn yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật (cụ thể là yêu cầu huỷ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trái pháp luật) của UBND xã C, huyện N, tỉnh H (nay là huyện T, tỉnh H), anh, chị cũng xác định việc kết hôn giữa anh, chị khi chị L chưa đủ tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Tuy vậy từ đó đến nay hai anh chị chung sống có 04 con chung, có tài sản chung, cuộc sống hiện tại vẫn hạnh phúc, chỉ vì năm sinh, tên đệm của anh T trong Căn cước công dân của anh ghi năm 1968, *tên đệm là Đức* so với năm sinh, tên đệm trong Giấy CN kết hôn ghi năm 1967, *tên đệm là Văn* là không khớp nhau, việc chị L đăng ký kết hôn khi chưa đủ tuổi kết hôn nên trong cuộc sống của anh chị bị ảnh hưởng nhiều, các con anh chị làm hồ sơ đi học, xin việc làm cũng bị ảnh hưởng vì vậy anh chị đề nghị Toà án Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu và đề nghị Toà án nhân dân huyện Thanh Miện: Áp dụng Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 8, 10, 11, khoản 6 điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Điều 149, điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a, b Điều 2; khoản 1, điểm a, b, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận đơn yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ huyện Thanh Miện, tuyên huỷ giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật số 07/GCN-KH ngày 04/02/1988 của UBND xã C, huyện N, tỉnh H (nay là huyện T, tỉnh H)

Chấp nhận yêu cầu của anh T, chị L: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đức T (*tên khác Vũ Văn T*) sinh ngày 20/5/1968 và chị Vũ Thị L, sinh năm 1972, đều trú tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H kể từ thời điểm chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện nhận định :

[1]. *Về Tố tụng, thẩm quyền*: Anh Vũ Đức T và chị Vũ Thị L đều có hộ khẩu tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H, UBND xã C là nơi đăng ký kết hôn trái pháp luật cho anh T, chị L. Hội LHPHN huyện Thanh Miện có đơn yêu cầu Toà án ND huyện Thanh Miện huỷ việc kết hôn trái pháp luật (cụ thể là yêu cầu huỷ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trái pháp luật) của UBND xã C, huyện N, tỉnh H (nay là huyện T, tỉnh H). Anh T, chị L cũng có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân cho anh, chị kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn theo quy định. Căn cứ khoản 2 điều 10, điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

[2]. *Về nội dung*: Căn cứ Trích lục kết hôn số 354/TLKH-BS ngày 26/6/2018 (bản sao) từ sổ đăng ký kết hôn năm 1988 lưu giữ tại UBND xã C, huyện N, tỉnh H (nay là huyện T, tỉnh H), tại số 07 ngày 04/02/1988 xác định anh Vũ Văn T, sinh 1967 kết hôn với chị Vũ Thị L, sinh năm 1972. Tuy nhiên trong lời khai của anh T, chị L tại Toà án đều xác định anh Vũ Đức T sinh ngày 20/5/1968 theo căn cước công dân và sổ hộ khẩu gia đình là đúng, nguyên nhân nhầm lẫn về năm sinh, tên đệm trong giấy chứng nhận kết hôn, khi đăng ký kết hôn do anh T khai nhầm hoặc cán bộ tư pháp viết nhầm lẫn đến nay không xác định được, chị Vũ Thị L, sinh năm 1972, thời điểm đăng ký kết hôn chị L mới hơn 16 tuổi là chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Qua xác minh và kiểm tra sổ sách tại UBND xã C xác định chỉ còn lưu giữ sổ đăng ký khai sinh từ năm 1988 trở lại đây còn trước đó sổ sách thất lạc, hư hỏng không còn lưu giữ vì vậy trường hợp của chị L, anh T cũng không còn lưu giữ, hiện tại chỉ còn căn cứ chứng minh nhân dân hoặc (căn cước công dân) và sổ hộ khẩu của anh T, chị L để xác định.

Quan điểm của UBND xã C, huyện T xác định việc đăng ký kết hôn giữa anh T, chị L là đúng theo trình tự, thủ tục, tuy nhiên qua đối chiếu giấy tờ tùy thân của anh T, chị L được thu thập trong hồ sơ thì anh T nhầm lẫn về năm sinh, chị L không có ngày sinh, tháng sinh mà chỉ có năm sinh 1972.

Theo điểm a, b Điều 2 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Nếu xác định được năm sinh nhưng không xác định được tháng sinh thì tháng sinh được xác định là tháng một của năm sinh; Nếu xác định được năm sinh, tháng sinh nhưng không xác định được ngày sinh thì ngày sinh được xác định là ngày mùng một của tháng sinh, như vậy ngày sinh, tháng sinh của chị L được xác định là ngày 01 tháng 01 năm 1972.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”, Điều 9 quy định: “*Việc kết hôn vi phạm một trong các điều 5, 6, 7 của Luật này là trái pháp luật*”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 04/2/1988 anh T đủ tuổi đăng ký, chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc UBND xã C kết hôn cho anh, chị là trái quy định

của pháp luật. Hội LHPN huyện Thanh Miện có đơn yêu cầu Toà án huỷ Giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã C đăng ký cho anh T, chị L là có căn cứ.

UBND xã C xác nhận việc đăng ký kết hôn giữa anh T, chị L là do cán bộ thời điểm đó sơ suất, nhầm lẫn ghi không đúng năm sinh, tên đệm của anh T và không tính việc chị L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh T, chị L, thừa nhận sai sót và đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo đúng pháp luật quy định.

Tại thời điểm yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, anh T, chị L đều xác định hai anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, có 04 con chung, có tài sản chung, cuộc sống chung hạnh phúc, chỉ vì năm sinh, tên đệm của anh T không khớp và năm sinh của chị L trong giấy kết hôn chưa đủ tuổi kết hôn đã ảnh hưởng rất nhiều trong quá trình sinh sống của vợ chồng và học tập, xin việc của các con anh chị vì vậy anh chị yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định là phù hợp khoản 2 điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Về con chung, tài sản chung anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện Thanh Miện xét thấy việc chấp nhận đơn yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, cụ thể là “Huỷ Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật” của Hội liên hiệp phụ nữ huyện Thanh Miện và chấp nhận đơn yêu cầu của anh T, chị L: công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định là có căn cứ.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự : Anh T và chị L thoả thuận anh T chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 8, 10, 11, khoản 6 điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a, b khoản 1 Điều 2; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về việc “Huỷ Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật” và yêu cầu của anh Vũ Đức T (tên gọi khác: Vũ Văn T) và chị Vũ Thị L: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn.

2- Hủy Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật số 07 ngày 04/02/1988 của UBND xã C, huyện N, tỉnh H (nay là huyện T, tỉnh H) cấp cho anh Vũ Văn T và chị Vũ Thị L.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đức T (tên gọi khác: Vũ Văn T) và chị Vũ Thị L đều trú tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn.

Anh Vũ Đức T (tên gọi khác: Vũ Văn T) và chị Vũ Thị L có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3- *Về lệ phí*: Anh Vũ Đức T tự nguyện chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ tại biên lai số AA/2017/0002859 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4- *Quyền kháng cáo*: Người yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

5- *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án*:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Hội LHPN huyện Thanh Miện;
- UBND xã C;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Bùi Xuân Thành